

TCT MĐL VÀ MNN VIỆT NAM - CTCP
NHÀ MÁY Ô TÔ VEAM
 Số: 19A/VM-PMH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: Mời chào giá Sắt thép và tôn chắn

Bim Sơn, ngày 06 tháng 02 năm 2023

Kính gửi: Nhà cung cấp

Nhà máy ô tô VEAM - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (gọi tắt là VM) chào giá thực hiện công tác mua sắm vật tư hàng hóa phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, với nội dung như sau:

1. Nội dung phạm vi công việc

Nhà cung cấp gửi hồ sơ chào giá trọn gói cho từng phần công việc trong Phạm vi công việc tại Phụ lục 01 (*Chi tiết nội dung, phạm vi công việc theo Phụ lục I*).

Hàng mới 100% chưa qua sử dụng.

2. Yêu cầu về năng lực kinh nghiệm

Nhà cung cấp đáp ứng các yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm theo Phụ lục II kèm theo.

Ghi chú: Trường hợp cần làm rõ phạm vi công việc; yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm đề nghị liên hệ số điện thoại: 0353072316 gặp Ông: Lê Phú Long – Trưởng bộ phận Mua hàng trong nước - Phòng Mua Hàng Nhà máy ô tô Veam-TCT máy ĐL và Máy NN Việt Nam- CTCP.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ chào giá

a) Thành phần hồ sơ chào giá:

(1) Đơn chào giá: Theo mẫu số 01 Phụ lục III

Giá chào là giá sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) và đã bao gồm thuế, chi phí vận chuyển tới VM, chi phí mẫu lắp đặt thử nghiệm (nếu có).

(2) Bảng tổng hợp giá chào: Theo mẫu số 02 Phụ lục III

(3) Hồ sơ năng lực: Chứng minh đáp ứng yêu cầu tại mục 2

Lưu ý: Hồ sơ chào giá không đủ ba nội dung trên sẽ bị loại.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bản gốc.

4. Quy cách hồ sơ, hiệu lực hồ sơ

- Quy cách hồ sơ: Hồ sơ chào giá được niêm phong trong túi đựng hồ sơ/ phong bì kín. Trường hợp hồ sơ không được niêm phong theo quy định hoặc không đúng thời gian quy định tại mục 5 thì mặc định hồ sơ không hợp lệ.

- Bên ngoài hồ sơ ghi rõ nội dung: *Hồ sơ chào giá sắt thép và tôn chắn*

- Hiệu lực hồ sơ chào giá: 30 ngày, kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ (*Thể hiện rõ trong Mẫu số 2 – Phụ lục III*).

5. Thời gian nhận hồ sơ chào giá

- Thời hạn nộp hồ sơ: Trước 16h30 phút ngày 13/02/2023.
- Hình thức nộp: Nộp trực tiếp hoặc qua đường chuyển phát (thời gian nhận tính trên bill chuyển phát)
- Địa chỉ nhận hồ sơ: Phòng mua hàng - Nhà máy ô tô VEAM
+ Địa chỉ: Khu 6 - Phường Bắc Sơn - Thị xã Bỉm Sơn - Tỉnh Thanh Hóa.
+ Người liên hệ: Lê Phú Long Chức danh : Trưởng bộ phận - Phòng Mua Hàng.
SĐT: 0353072316

6. Bảo mật thông tin

- VM chịu trách nhiệm bảo mật thông tin trong hồ sơ chào giá của đơn vị tham gia nộp hồ sơ.

7. Mở hồ sơ chào giá

- VM mở hồ sơ chào giá vào lúc: 10h00phút. Ngày 14/02/2023.
- Đơn vị nộp hồ sơ chào giá được cử một cán bộ tham gia mở hồ sơ chào giá. Tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở HSCG vẫn được tiến hành vào thời gian đã được qui định trong Thông báo chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của các NCC.

Lưu ý: Đề nghị cung cấp giấy giới thiệu của đơn vị và CCCD/CMND của người tham gia mở hồ sơ chào giá.

8. Phương pháp đánh giá hồ sơ chào giá:

- Đánh giá trọn gói cho từng phần công việc trong Phạm vi công việc tại Phụ lục 01 danh mục hàng hóa theo phương pháp giá thấp nhất đáp ứng yêu cầu tại mục 1.
- Đơn vị tham gia chào giá có giá chào thấp nhất và đáp ứng được tất cả các yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm sẽ được lựa chọn.
- Các nhà cung cấp được đánh giá tương đương ở tất cả các tiêu chí, VM sẽ căn cứ vào các tiêu chí phụ để đánh giá lựa chọn.

9. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng nguyên tắc

10. Thời gian ký hợp đồng: Trước ngày 20/02/2023

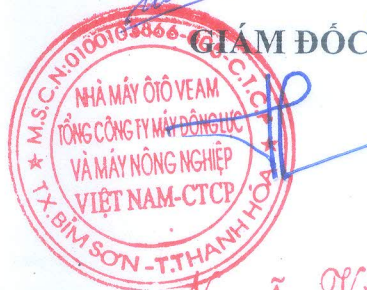
11. Thời gian thực hiện hợp đồng: Thực hiện đơn hàng theo tháng/quý trong năm 2023 căn cứ kế hoạch SXKD của VM.

(Lưu ý: Không hoàn trả hồ sơ đối với trường hợp không được lựa chọn, và hồ sơ không hợp lệ).

Nhà máy ô tô VEAM thông báo và mong muốn được hợp tác cùng các đơn vị, các nhà cung cấp chuyên nghiệp.

Nội nhận:

- Như trên;
- Đăng website VM;
- Giám đốc (để b/c);
- BP. Pháp chế;
- Lưu: VT.



Nguyễn Văn Hải

Phụ lục 1
PHẠM VI CÔNG VIỆC

Mua sắm vật tư hàng hóa: Sắt thép và tôn chân
(Kèm theo văn bản số: /VM-PMH ngày.....tháng.....năm.....)

Nhà cung cấp thực hiện chào giá theo tên, chủng loại, quy cách và số lượng theo nội dung chi tiết như sau:

Phần 1: Hộp và ống .

| STT | Tên vật tư/ hàng hóa | Quy cách | ĐVT | Số lượng | Ghi chú |
|-----|----------------------|----------------------|-----|----------|---------|
| 1 | Thép hộp 20x20x1.1 | 6000 mm, mạ kẽm | Cây | 225 | |
| 2 | Thép hộp 30x30x1.4 | 6000 mm, mạ kẽm | Cây | 21 | |
| 3 | Thép hộp 40x20x1.1 | 6000 mm, mạ kẽm | Cây | 1.250 | |
| 4 | Thép hộp 40x20x1.8 | 6000 mm, mạ kẽm | Cây | 2 | |
| 5 | Thép hộp 40x40x1.1 | 6000 mm, mạ kẽm | Cây | 1.644 | |
| 6 | Thép hộp 40x40x1.8 | 6000 mm, mạ kẽm | Cây | 16 | |
| 7 | Thép hộp 60x30x1.1 | 6000 mm, mạ kẽm | Cây | 717 | |
| 8 | Thép hộp 60x30x1.4 | 6000 mm, mạ kẽm | Cây | 20 | |
| 9 | Thép hộp 80x40x1.1 | 6000 mm, mạ kẽm | Cây | 572 | |
| 10 | Thép hộp 80x40x1.4 | 6000 mm, mạ kẽm | Cây | 20 | |
| 11 | Thép hộp 120x60x2.5 | 6000 mm, mạ kẽm, đen | Cây | 51 | |
| 12 | Thép Ø21.3x1.65 | 6000, mạ kẽm | Cây | 3 | |
| 13 | Thép Ø26.65x1.4 | 6000, mạ kẽm | Cây | 724 | |
| 14 | Thép Ø33.5x1.4 | 6000, mạ kẽm | Cây | 47 | |

Phần 2 : Tôn các loại và U

| STT | Tên vật tư/ hàng hóa | Quy cách | ĐVT | Số lượng | Ghi chú |
|-----|----------------------|---------------------|-----|----------|---------|
| 1 | Tôn tấm dày 1mm | 1200x2400, CT38 | Tấm | 391 | |
| 2 | Tôn tấm dày 1mm | 1260x2000, inox 430 | Tấm | 102 | |
| 3 | Tôn tấm dày 1.5mm | 1200x2400 CT38 | Tấm | 5 | |
| 4 | Tôn phẳng dày 2mm | 1200x6360x2 | Tấm | 58 | |
| 5 | Tôn tấm dày 2.5mm | 1200x6200x2.5 | Tấm | 143 | |
| 6 | Tôn tấm dày 3mm | 1200x2400,CT38 | Tấm | 11 | |
| 7 | U80x36x3.5 | 6000,CT38 | Cây | 745 | |
| 8 | U100x46x4.5 | 6000,CT38 | Cây | 119 | |
| 9 | U120x52x4.8 | 6000,CT38 | Cây | 122 | |
| 10 | Tôn nhám | 1200x6200x1.8÷2 | Tấm | 62 | |
| 11 | Tôn cuộn 0,5mm | Rộng 1200, tôn lạnh | m | 832 | |

Phần 3 : Sắt thép gia công

| STT | Tên vật tư/ hàng hóa | Quy cách | ĐVT | Số lượng | Ghi chú |
|-----|----------------------|----------|-----|----------|---------|
| 1 | Trần,dập,trượt | CT38 | Kg | 7.000 | |
| 2 | Trần,dập,sóng | Inox 430 | Kg | 2.500 | |

Phần 4 : Tôn Inox 430

| STT | Tên vật tư/ hàng hóa | Quy cách | ĐVT | Số lượng | Ghi chú |
|-----|----------------------|---------------------------------|-----|----------|---------|
| 1 | Tôn nhám INOX 0.6mm | Rộng 1200 | m | 664 | |
| 2 | Tôn tấm dày 1.5mm | inox 430 1260x2000/1250x2000 | Tấm | 6 | |
| 3 | Tôn cuộn 0,5mm | Rộng 1200, INOX 430 | m | 1.872 | |

Ghi chú:

- Nhà cung cấp có thể liên hệ xem mẫu tại Nhà máy ô tô VEAM trước thời điểm nộp hồ sơ chào giá.
- Nhà cung cấp có thể chào giá các sản phẩm có chất lượng tương đương đáp ứng được các thông số kỹ thuật theo yêu cầu của VM.
- Số lượng trên là số lượng kế hoạch mua thành nhiều lần theo đơn đặt hàng và có thể thay đổi do nhu cầu sản xuất của VM.

Phụ lục 2**YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM****Mua sắm vật tư hàng hóa: Sắt thép và tôn chấn**

(Kèm theo văn bản số: /VM-PMH ngày.....tháng.....năm.....)

| STT | Tiêu chí đánh giá | Nội dung yêu cầu | Ghi chú |
|-----|---------------------|--|--|
| 1 | Năng lực chuyên môn | Có năng lực kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp về Sắt thép | Chứng minh bằng hợp đồng đã thực hiện (Các NCC đã từng cung cấp cho VM được bỏ mục này) |
| 2 | Kinh nghiệm | Thời gian hoạt động của Công ty > 01 năm | Chứng minh bằng Giấy ĐKKD hoặc giấy tờ tương đương |
| 3 | Thời gian giao hàng | Tối đa 20 ngày kể từ ngày đặt hàng | Ghi rõ trên báo giá |
| 4 | Bảo hành | Bảo hành lỗi sai hỏng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất (nếu có) | Ghi rõ trên báo giá |
| 5 | Thanh toán công nợ | Thời gian thanh toán tối thiểu 20 đến 30 ngày kể từ ngày giao hàng (đối với phần công nợ đã trừ khoản tạm ứng hợp đồng nếu có) | Ghi rõ trên báo giá |

**Phụ lục 3
BIỂU MẪU**

(Kèm theo văn bản số: VM-PMH ngày.....tháng.....năm....)

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO GIÁ

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói mua sắm: _____ [Ghi tên gói mua sắm theo Thông báo mời chào giá]

Kính gửi: Nhà máy ô tô VEAM – TCT Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam – CTCP.

Sau khi nghiên cứu Thông báo mời chào giá sốngày.../.../....., chúng tôi..... [đơn vị chào giá] cam kết thực hiện gói mua sắm _____ [Ghi tên gói mua sắm] theo đúng yêu cầu của Thông báo chào giá được thể hiện tại bảng tổng hợp chào giá kèm theo.

Giá chào là giá đã bao gồm các khoản thuế, phí theo quy định và chi phí vận chuyển vật tư hàng hóa tới kho nhà máy ô tô VEAM.

Chúng tôi cam kết:

1. Thông tin tài liệu chúng tôi cung cấp trong hồ sơ chào giá là chính xác và hoàn toàn đúng sự thật, chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung đã cung cấp;
2. Không đang tạm ngừng kinh doanh; không đang trong quá trình giải thể. Nhà cung cấp cam kết không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
3. Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cấp.
4. Không đang tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi với Nhà máy ô tô VEAM;
5. Nếu hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm hết hạn nộp Bản báo giá].

Đại diện hợp pháp của đơn vị chào giá

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



(Handwritten mark)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO**1. Đơn giá:****Phần 1:**

| TT | Tên vật tư/ hàng hóa | Quy cách | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) | Ghi chú |
|----|---------------------------|----------|-----|----------|---------------|------------------|---------|
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | Cộng | | | | | | |
| | VAT | | | | | | |
| | Tổng cộng giá chào | | | | | | |

Phần 2:...

Ghi chú: Giá chào trên là giá đã bao gồm chi phí vận chuyển giao hàng tại kho Nhà máy ô tô VEAM.

2. Thời gian giao hàng:.....
3. Bảo hành:.....
4. Thanh toán:.....
5. Hiệu lực báo giá:.....
6. Các nội dung khác (nếu có):.....

Đại diện hợp pháp của đơn vị chào giá

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]